

Số: 27/NQ-HĐND

Võ Nhai, ngày 03 tháng 10 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Về việc thông qua tổ chức xây dựng lực lượng Dân quân
tự vệ xã Võ Nhai năm 2026

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ VÕ NHAİ
KHÓA I, KỲ HỌP THỨ TƯ (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật DQTV số 48/2019/QH14 ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 11 Luật về quân sự, quốc phòng năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với Dân quân tự vệ; Nghị định số 16/2025/NĐ-CP ngày 04/02/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với Dân quân tự vệ;

Căn cứ Nghị định số 220/2025/NĐ-CP ngày 07/8/2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của một số Nghị định trong lĩnh vực quốc phòng, quân sự khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

Căn cứ Thông tư 69/2020/TT-BQP ngày 15/6/2020 của Bộ Quốc phòng quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tập huấn, bồi dưỡng, huấn luyện, hội thao, diễn tập cho Dân quân tự vệ; Thông tư số 47/2024/TT-BQP về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 69/2020/TT-BQP ngày 15/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tập huấn, bồi dưỡng, huấn luyện, hội thi, hội thao, diễn tập cho Dân quân tự vệ;

Căn cứ Thông tư số 77/2020/TT-BQP ngày 23/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định thực hiện một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 52/2024/TT-BQP ngày 06/9/2024 của Bộ trưởng Bộ quốc phòng;

Căn cứ Thông tư số 84/2025/TT-BQP ngày 07/8/2025 của Bộ Trưởng Bộ quốc phòng sửa đổi, bổ sung một số điều các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về phân định thẩm quyền trong lĩnh vực DQTV khi tổ chức chính quyền đại phương 02 cấp;

Căn cứ Công văn số 327/BCH-TM ngày 04/9/2025 của Bộ CHQS tỉnh Thái Nguyên về việc tổ chức xây dựng lực lượng DQTV năm 2026.

Xét Tờ trình số 118/TTr-UBND ngày 29/9/2025 của Ủy ban nhân dân xã Võ Nhai về việc đề nghị ban hành Nghị quyết tổ chức xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ xã Võ Nhai năm 2026; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân xã và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua tổ chức xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ xã Võ Nhai năm 2026.

(Có biểu chi tiết kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Ủy ban nhân dân xã triển khai, thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và Nghị quyết Hội đồng nhân dân xã.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban của Hội đồng nhân dân xã, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã và các đại biểu Hội đồng nhân dân xã khóa I giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Võ Nhai khóa I, Kỳ họp thứ tư (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 03 tháng 10 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh (B/c);
- Ủy ban nhân dân tỉnh (B/c);
- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND xã;
- UBND xã;
- Ủy ban MTTQ xã;
- Các đại biểu HĐND xã;
- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể trên địa bàn xã;
- Trang thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT.

Vân

CHỦ TỊCH



Bùi Thị Sen

TỔ CHỨC LỰC LƯỢNG DÂN QUÂN TỰ VỆ XÃ VÕ NHAI NĂM 2026
(Kèm theo Nghị quyết số 27/NQ-HĐ ngày 03/10/2025 của HĐND xã Võ Nhai)

TT	Đơn vị	Tổng dân số	Tổng số cơ sở DQ	Quân số					Tỷ lệ % so với dân số	Tổ chức			Dân quân thường trực		Dân quân cơ động			Dân quân tại chỗ			Dân quân tự vệ binh chủng																	
				Tổng quân số	Cán bộ Ban CHQS	Cán bộ của đơn vị	Chiến sĩ	Cán bộ, chiến sĩ đơn vị DQ							Tổng quân số	Biên chế b	Biên chế a	Tổng quân số	Năm thứ nhất	Năm thứ 2 ÷ 4	Biên chế		Pháo binh					Công binh		Trình sát		Thông tin		Phòng hóa		Y tế		
										b	a	Co60									ĐKZ		Tổng quân số	a	Tổng quân số	a	Tổng quân số	a	Tổng quân số	a								
												Tổng quân số	QS	Biên chế KĐ							Tổng quân số	b									KĐ							
1	Võ Nhai	17509	26	816	6	115	695	810	4.66%	1	25	15	9	1	140	5	15	595	364	231	19	7	27	8	2	19	1	3	9	1	6	1	9	1	6	1	9	1
1	Mô Gà	742	1	36		4	32	36	4.85%		2				6		2	28	19	9	1		1			1										1		
2	Phượng Hoàng	516	1	34		8	26	34	6.59%		2				5	1	1	28	19	9	1		1			1												
3	Đồng Mới	687	1	38	1	6	31	37	5.53%		1	1	1		6		1	28	19	9	1		2	1	1	1	1											
4	Nà Phài	342	1	14		1	13	14	4.09%			1			3			9	0	9		1	1			1			1									
5	Làng Phạt	345	1	17	1	2	14	16	4.93%			2	1		4			9	0	9		1						1	1			1						
6	Cao Lằm	483	1	40	1	5	34	39	8.28%		1		1		6			28	19	9	1		4	2		2		1										
7	Nà Kháo	750	1	36		8	28	36	4.80%		2				6	1	2	28	19	9	1										2							
8	Suối Cạn	398	1	15		2	13	15	3.77%			2	1	1	4			9	0	9		1	1			1												
9	Ba Nhất	866	1	37		5	32	37	4.27%		1	1			7			28	19	9	1		1			1			1	1								
10	Cao Biền	211	1	15		1	14	15	7.11%			1			3			9	3	6		1						1				1				1		
11	Tiền Phong	955	1	39		4	35	39	4.08%		1				7			28	19	9	1		1			1				1				1			1	
12	Làng Lường	873	1	38	1	4	33	37	4.35%		1				7			28	19	9	1		1	1					1									
13	Thái Long	976	1	40		13	27	40	4.10%	1	3	1			7	2	2	28	19	9	1		2	1		1		2								1	1	
14	Cổ Rồng	748	1	38	1	4	33	37	5.08%		1		1		5		1	28	19	9	1		1			1			1				1					
15	Đình Cả	705	1	39	1	5	33	38	5.53%		1	1	1		5			28	19	9	1		2	1	1	1		1								1		
16	Đồng Chăn	932	1	38		4	34	38	4.08%		1				7			28	19	9	1		1			1					1					1		
17	Làng Áng	436	1	15		1	14	15	3.44%			1	1		3		2	9	0	9		1	1			1					1							
18	Làng Chiềng	577	1	35		4	31	35	6.07%		1				5		1	28	19	9	1		1			1						1						
19	Là Dương	875	1	37		5	32	37	4.23%		1				7			28	19	9	1		1			1		1								1		
20	La Mạ	1395	1	38		9	29	38	2.72%		2		1		7	1	1	28	19	9	1		1			1		1								1		
21	Cây Hồng	741	1	36		4	32	36	4.86%		1				6		1	28	19	9	1									1		1						
22	La Hoá	869	1	37		4	33	37	4.26%		1				7		1	28	19	9	1							2										
23	Làng Hạng	781	1	36		5	31	36	4.61%		1	1			6			28	19	9	1									1			1	1				
24	Yên Ngựa	351	1	16		1	15	16	4.56%			1	1		3			9	0	9		1	2	1		1					1							
25	Đất Đỏ	335	1	17		1	16	17	5.07%			1			3			9	0	9		1	2	1		1							2			1		
26	Trúc Mai	620	1	35		5	30	35	5.65%		1	1			5			28	19	9	1							1				1	1					